

**TCVN**

**TIÊU CHUẨN VIỆT NAM**

**TCVN 6211 : 1996**

**ISO 3833 : 1977**

**PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ -  
KIỂU - THUẬT NGỮ VÀ ĐỊNH NGHĨA**

*Road vehicles - Types - Terms and definitions*

**HÀ NỘI - 1996**

# **Phương tiện giao thông đường bộ - Kiểu - Thuật ngữ và định nghĩa**

*Road vehicles - Types - Term and definitions*

## **1 Phạm vi**

Tiêu chuẩn này quy định các thuật ngữ cho một số kiểu phương tiện giao thông đường bộ có kết cấu và đặc tính kỹ thuật đã xác định.

## **2 Lĩnh vực áp dụng**

Các điều khoản của tiêu chuẩn này áp dụng cho tất cả các phương tiện giao thông chạy trên đường (ô tô, xe moóc, ô tô liên hợp, xe máy, mô tô)

Tiêu chuẩn này không áp dụng cho các loại phương tiện như: máy kéo nông nghiệp chỉ ngẫu nhiên được sử dụng để chở người hoặc hàng hóa trên đường hoặc để kéo xe chở người hoặc hàng hóa trên đường.

## **3 Thuật ngữ và định nghĩa**

### **3.1 Ô tô (motor vehicle)**

Một loại phương tiện giao thông đường bộ chạy bằng động cơ có bốn hoặc nhiều hơn bốn bánh xe <sup>(1)</sup>, không được chạy trên đường ray và thường được dùng để:

- chở người và /hoặc hàng hóa
- cho các xe lai dặt dùng để chở người và/ hoặc hàng hóa;
- cho các dịch vụ vận chuyển đặc biệt.

---

<sup>(1)</sup> Một số xe ba bánh như đã xác định trong b) cũng được xếp vào loại ô tô

Thuật ngữ này bao gồm:

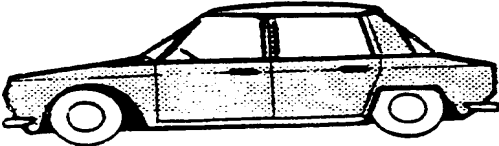
- a) các xe được nối với một đường dây dẫn điện, ví dụ xe điện bánh hơi;
- b) các xe ba bánh có trọng lượng toàn xe <sup>2)</sup> vượt quá 400kg<sup>3)</sup>

No	Thuật ngữ	Định nghĩa	Hình vẽ
3.1.1	Ôtô con Passenger car	Ôtô (3.1) có kết cấu và trang bị chủ yếu dùng để chở người và hành lý mang theo và /hoặc hàng hóa và có tối đa là 9 chỗ ngồi bao gồm cả chỗ cho người lái.  Ôtô con cũng có thể kéo một móc	Xem các điều 3.1.1.1 đến 3.1.1.8 ở dưới

Chú thích

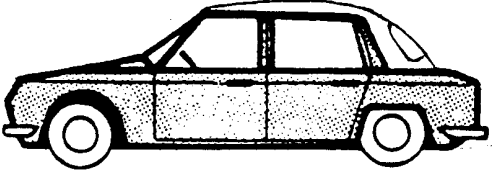
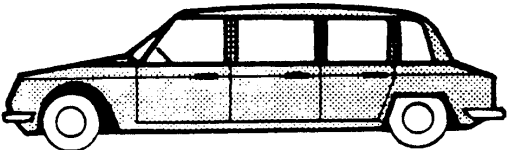
Một số thuật ngữ dưới đây cũng có thể bao loại được gọi là "ôtô thể thao"

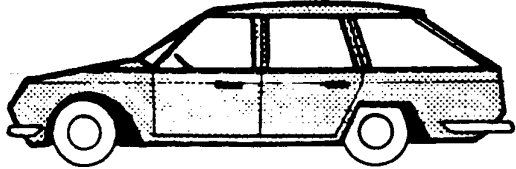
Trong các thuật ngữ dưới đây, một cửa sổ là một cửa kính mở được gắn một hạc một số ô kính (ví dụ: cửa thông gió là một bộ phận của một cửa sổ).

No	Thuật ngữ	Định nghĩa	Hình vẽ
3.1.1.1	ô tô con Salong Saloon          Chú thích: Nếu không phân chia thành 2 cửa sổ bên bởi trụ giữa thì ô tô này được gọi là "xe buýt"	Khung xe Kín, có hoặc không có trụ giữa cho các cửa sổ bên Mui xe/ mái xe Cố định, mái xe cứng vững. Tuy nhiên một phần của mái xe có thể mở được. Chỗ ngồi 4 hoặc lớn hơn 4 chỗ ngồi trên ít nhất là 2 hàng ghế Cửa ra vào 2 hoặc 4 cửa bên. Cũng có thể có 1 cửa sau mở được Cửa sổ 4 cửa sổ bên	

<sup>2)</sup> Xem ISO 1176 điều 4.6

<sup>3)</sup> Các xe ba bánh có trọng lượng toàn xe nhỏ

No	Thuật ngữ	Định nghĩa	Hình vẽ
3.1.1.2	Ôtô con salông kiểu mui gấp Convertible saloon	Khung xe Mở được Mui xe/ mái xe Khung thành bên cố định và phần còn lại có thể gấp được. Chỗ ngồi 4 hoặc lớn hơn 4 chỗ ngồi trên ít nhất là 2 hàng ghế Cửa ra vào 2 hoặc 4 cửa bên Cửa sổ 4 hoặc nhiều hơn 4 cửa sổ bên	
3.1.1.3	Ôtô con salông kiểu pullman Pullman saloon	Khung xe Kín, có thể có một vách ngăn giữa các ghế phía trước và phía sau Mui xe/ mái xe Cố định, mái xe cứng vững. Tuy nhiên một phần của mái xe có thể mở được. Chỗ ngồi 4 hoặc lớn hơn 4 chỗ ngồi trên ít nhất là 2 hàng ghế. Có thể có các ghế gấp ở trước các ghế ngồi phía sau Cửa ra vào 4 hoặc 6 cửa bên. Có thể có 1 cửa mở ở đằng sau Cửa sổ 6 hoặc nhiều hơn 6 cửa sổ bên	

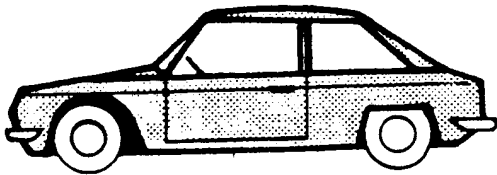
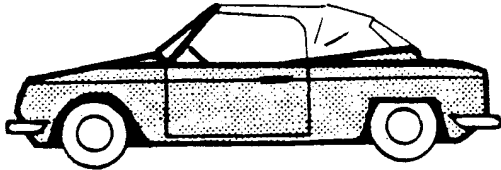
No	Thuật ngữ	Định nghĩa	Hình vẽ
3.1.1.4	Ôtô con kiểu vagông Station wagon	<p>Khung xe</p> <p>Kín</p> <p>Hình dạng phía sau xe được thiết kế để có một thể tích bên trong rộng hơn</p> <p>Mui xe/ mái xe</p> <p>Cố định, mái xe cứng vững. Tuy nhiên một phần của mái xe có thể mở được.</p> <p>Chỗ ngồi</p> <p>4 hoặc lớn hơn 4 chỗ ngồi trên ít nhất là 2 hàng ghế. Hàng ghế hoặc các hàng ghế có thể có các lưng ghế gập về phía trước hoặc có thể tháo ra được để tạo ra một sàn chất hàng</p> <p>Cửa ra vào</p> <p>2 hoặc 4 cửa bên và 1 cửa mở ở đằng sau</p> <p>Cửa sổ</p> <p>4 hoặc nhiều hơn 4 cửa sổ bên</p>	

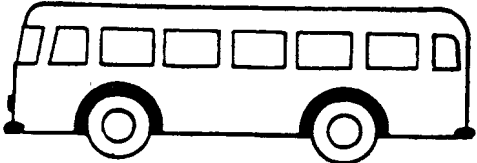
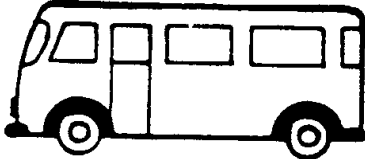
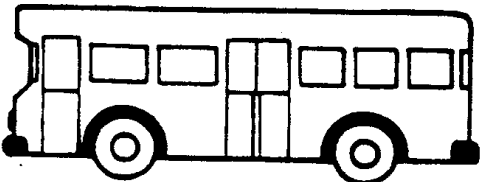
No	Thuật ngữ	Định nghĩa	Hình vẽ
3.1.1.4.1	Ôtô con buôn bán kiểu vagông Truck station wagon	<p>Ôtô con (3.1.1) dẫn xuất từ ô tô thương mại (3.1.3)</p> <p>Khung xe</p> <p>Kín</p> <p>Mui xe/ mái xe</p> <p>Cố định, mái xe cứng vững. Tuy nhiên một phần của mái xe có thể mở được hoặc nâng lên được.</p> <p>Chỗ ngồi</p> <p>4 hoặc lớn hơn 4 chỗ ngồi trên ít nhất là 2 hàng ghế. Các ghế phía sau có thể tháo ra được hoặc có thể có các lưng ghế gập được để tạo ra một sàn chất hàng</p> <p>Cửa ra vào</p> <p>2, 3 hoặc 4 cửa bên và 1 cửa mở ở đằng sau</p> <p>Cửa sổ</p> <p>4 hoặc nhiều hơn 4 cửa sổ bên</p> <p>Chiều cao ghế ngồi</p> <p>Điểm R<sup>4)</sup> của ghế người lái xe phải cao hơn bề mặt tựa của xe tối thiểu là 750mm, được đo khi xe không chất tải (xem ISO 1176 điều 4.6)</p>	

<sup>4)</sup> Điểm R, "điểm ghế ngồi chuẩn" là điểm thiết kế của người chế tạo để lập ra vị trí chuẩn tận cùng của mỗi ghế ngồi, nó có các tọa độ tương ứng với cấu trúc của xe và mô phỏng vị trí của tâm thân trên và đùi của người (điểm H).

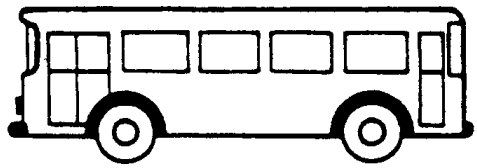
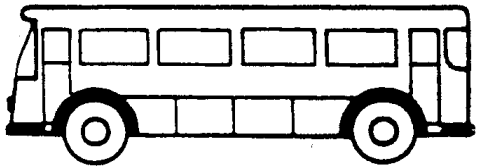
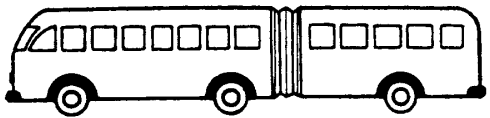
Trong khi chờ sự công bố của một tiêu chuẩn quốc tế về vấn đề này, có thể kiểm tra xác minh vị trí của điểm H phù hợp với các thông tin cho trong phụ lục 4 của tài liệu E/ECE/342/REV.1/ADD.13 của Ủy ban kinh tế châu Âu thuộc liên hiệp quốc. Tài liệu này có đầu đề: thỏa thuận về lựa chọn các điều kiện không thay đổi cho sự phê duyệt và chấp nhận lẫn nhau đối với thiết bị ô tô và phụ tùng ô tô - được soạn thảo tại GENEVE ngày 20/3/1958 - Phụ chương 13: điều quy định No 14 được kèm theo thỏa thuận: các điều khoản không thay đổi để chấp thuận xe về mặt dây đai an toàn trên ô tô con.

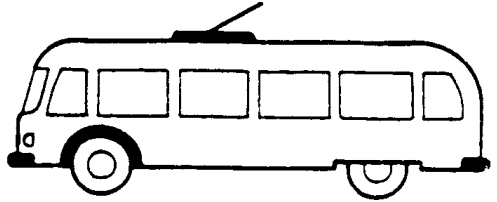
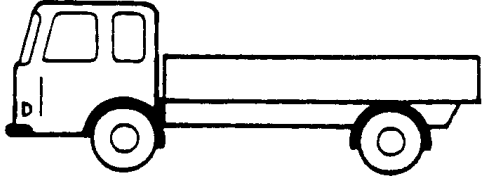
Việc kiểm tra mối quan hệ giữa hai điểm được coi là đáp ứng yêu cầu nếu các tọa độ của điểm H nằm trong một hình chữ nhật dọc mà các cạnh nằm ngang và thẳng đứng của nó lần lượt là 30mm và 20mm và các đường chéo của nó giao nhau tại R.

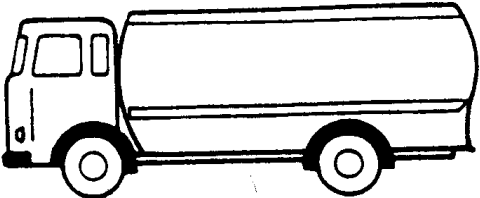
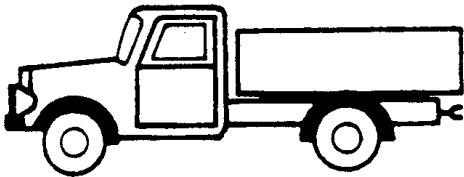
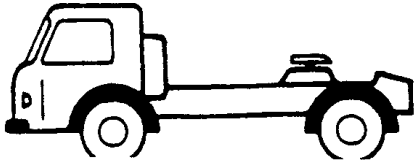
No	Thuật ngữ	Định nghĩa	Hình vẽ
3.1.1.5	Ôtô con kiểu cupê Coupe	<p>Khung xe</p> <p>Kín, thường có thể tích đuôi bị hạn chế</p> <p>Mui xe/ mái xe</p> <p>Cố định, mái xe cứng vững. Tuy nhiên một phần của mái xe có thể mở được.</p> <p>Chỗ ngồi</p> <p>2 hoặc lớn hơn 2 chỗ ngồi trên ít nhất là 1 hàng ghế.</p> <p>Cửa ra vào</p> <p>2 cửa bên. Cũng có thể có cửa mở ở đằng sau</p> <p>Cửa sổ</p> <p>2 hoặc nhiều hơn 2 cửa sổ bên</p>	
3.1.1.6	Ôtô con kiểu mui gập Convertible	<p>Khung xe</p> <p>Mở được</p> <p>Mui xe/ mái xe</p> <p>Mái xe mềm hoặc cứng vững, có ít nhất là 2 vị trí: vị trí thứ nhất, mái xe phủ toàn bộ khung xe, vị trí thứ hai mái xe được gập lại</p> <p>Chỗ ngồi</p> <p>2 hoặc lớn hơn 2 chỗ ngồi trên ít nhất là 1 hàng ghế</p> <p>Cửa ra vào</p> <p>2 hoặc 4 cửa bên</p> <p>Cửa sổ</p> <p>2 hoặc nhiều hơn 2 cửa sổ bên</p>	
3.1.1.7	Ôtô con đa năng Multipurpose passenger car	<p>Khung xe</p> <p>Kín, hở hoặc mở được. Ôtô con này được thiết kế để có thể dễ dàng vận chuyển hàng hóa</p> <p>Chỗ ngồi</p> <p>Một hoặc nhiều chỗ ngồi</p>	

No	Thuật ngữ	Định nghĩa	Hình vẽ
3.1.1.8	Ôtô con điều khiển phía trước  Forward control passenger car	Ôtô con có tâm của vô lăng lái nằm trong phần từ phía đầu xe của chiều dài tổng của xe (bao gồm cả thanh chắn bảo hiểm và giá đèo hàng nếu có)	
3.1.1.9	Ôtô con chuyên dùng  Special Passenger car	Ôtô con (3.1.1) có đặc điểm không giống với các đặc điểm của các loại ô tô con đã nêu trên (xem 3.1.4)	
3.1.2	Ôtô buýt (xe buýt)  Bus	Ôtô (3.1) có kết cấu và trang bị dùng để chở người và hành lý mang theo, có số chỗ ngồi lớn hơn 9 bao gồm cả ghế của người lái  Ôtô buýt có thể có 1 hoặc 2 tầng 2 điều khiển và cũng có thể kéo một toa móc	
3.1.2.1	Ôtô buýt mini  Minibus	Ôtô buýt chỉ có một tầng điều khiển duy nhất (3.1.2), có số chỗ ngồi không lớn hơn 17 bao gồm cả chỗ của người lái	
3.1.2.2	Ôtô buýt thành phố  Urban bus	Ôtô buýt (3.1.2) được thiết kế và trang bị để dùng trong thành phố và ngoại ô, loại xe này có các chế độ ngồi và chỗ đứng cho hành khách và cho phép hành khách di chuyển tương ứng với việc đỗ xe thường xuyên	



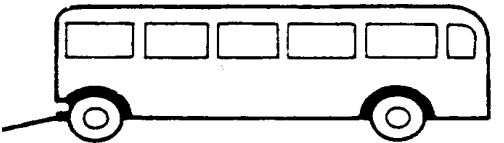
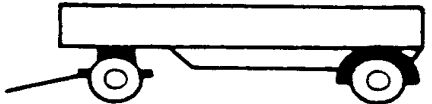
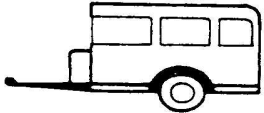
No	Thuật ngữ	Định nghĩa	Hình vẽ
3.1.2.3	Ôtô buýt liên tỉnh  Interurban coach	Ôtô buýt (3.1.2) được thiết kế và trang bị cho vận tải liên tỉnh. Loại xe này không bố trí chỗ cho hành khách đứng nhưng xe có thể chở các hành khách đứng ở lối đi giữa các hàng ghế trên nhưng quãng đường ngắn	
3.1.2.4	Ôtô buýt đường dài  Long distance coach	Ôtô buýt (3.1.2) được thiết kế và trang bị cho các quãng đường đi dài; loại xe này đảm bảo sự thoải mái cho hành khách ngồi và không chở khách đứng	
3.1.2.5	Ôtô buýt nối toa  Articulated bus	<p>Ôtô buýt (3.1.2) gồm 2 toa cứng vững được nối với nhau bằng một khớp quay. Trên loại xe này, các không gian cho chỗ ngồi của hành khách được bố trí trên mỗi toa cứng vững. Hành khách có thể đi lại tự do từ toa cứng vững này sang toa cứng vững kia qua khớp quay.</p> <p>Ôtô buýt nối toa có thể được trang bị như đã nêu trong 3.1.2.2 đến 3.1.2.4</p> <p>Việc nối hoặc tháo rời các toa chỉ có thể được tiến hành ở xưởng chế tạo</p>	

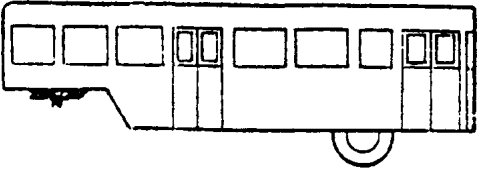

No	Thuật ngữ	Định nghĩa	Hình vẽ
3.1.2.6	Ô tô điện Trolley bus	<p>Ô tô buýt (3.1.2) chạy bằng điện được truyền từ một đường giây dẫn điện</p> <p>Ô tô điện cũng được sử dụng và trang bị như các loại ô tô buýt đã nêu trong 3.1.2.2, 3.1.2.3 và 3.1.2.5 ở trên</p>	
3.1.2.7	Ô tô buýt chuyên dùng Special bus	Ô tô Buýt (3.1.2) có đặc điểm không giống các đặc điểm của các loại ô tô buýt đã nêu ở trên (xem 3.1.4)	
3.1.3	Ô tô thương mại Commercial vehicle	Ô tô (3.1) có kết cấu và trang bị chủ yếu dùng để chuyên chở hàng hóa, ô tô thương mại cũng có thể kéo một toa moóc	
3.1.3.1	Ô tô thương mại chuyên dùng Special commercial vehicle	Ô tô thương mại (3.1.3) có đặc điểm không giống các đặc điểm của các loại ô tô thương mại đã nêu ở trên (xem 3.1.4)	

No	Thuật ngữ	Định nghĩa	Hình vẽ
3.1.4	<p>Ôtô chuyên dùng</p> <p>Special vehicle</p>	<p>Ôtô (3.1) có kết cấu và trang bị được dùng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- chỉ để chuyên chở người và/hoặc hàng hóa cần có sự sắp xếp đặc biệt</li> <li>- chỉ để thực hiện một chức năng nhiệm vụ đặc biệt</li> </ul> <p>(Ví dụ: ô tô ghép, ô tô khách - vận tải, ô tô chữa cháy, ô tô cấp cứu, ô tô tải cứu nạn, ô tô hút bụi, ô tô hai công dụng, ô tô - toa xe lưu động v.v... Danh sách không hạn chế)</p> <p>Ôtô chuyên dùng cũng có thể kéo một toa móc</p>	
3.1.5	<p>ô tô kéo móc</p> <p>Trailer - towing vehicle</p>	<p>Ôtô (3.1) được thiết kế dành riêng hoặc chủ yếu dùng để kéo các móc</p> <p>Ôtô kéo móc cũng có thể chở hàng trên một sàn phụ</p>	
3.1.6	<p>Ôtô kéo bán móc</p> <p>Semi - trailer towing vehicle</p>	<p>Ôtô (3.1) được thiết kế để kéo bán móc</p>	

## 3.2 Xe móc (Towed vehicle)

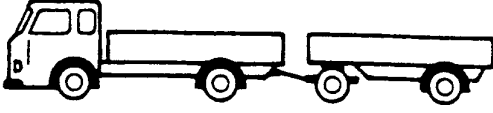

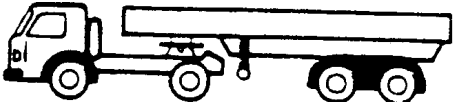

Một loại phương tiện giao thông đường bộ không có động cơ, có kết cấu và trang bị dùng để chở người hoặc hàng hóa và được kéo bởi một ô tô; bán móc cũng nằm trong loại phương tiện này.

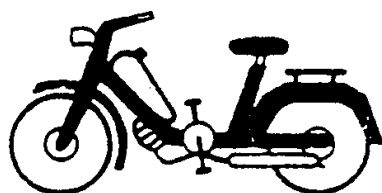
No	Thuật ngữ	Định nghĩa	Hình vẽ
3.2.1	Moóc Trailer	Xe có kết cấu để phân trọng lượng tổng chủ yếu của xe không đặt lên ô tô kéo. Một bán móc có đầu ghép nối cũng được xem là một moóc	
3.2.1.1	Toa moóc Bus trailer	Moóc (3.2.1) có kết cấu và trang bị dùng để chở người và hành lý theo người. Toa moóc có thể được trang bị như đã nêu trong 3.1.2.1 đến 3.1.2.3	
3.2.1.2	Moóc thông dụng General purpose trailer	Moóc (3.2.1) có kết cấu và trang bị dùng để chuyên chở hàng hóa	
3.2.1.3	Moóc caravan Caravan	Moóc (3.2.1) được thiết kế để dùng trên đường và làm nơi ở lưu động	
		Moóc (3.2.1) có kết cấu và trang bị được dùng:  - chỉ để chuyên chở người và / hoặc hàng hóa cần có sự sắp xếp đặc biệt; - chỉ để thực hiện một chức năng nhiệm vụ đặc biệt. (Ví dụ: moóc ô tô khách - vận tải; moóc ô tô chữa cháy, moóc có sàn thấp, xe moóc chở máy nén khí. Danh sách không hạn chế)	

No	Thuật ngữ	Định nghĩa	Hình vẽ
3.2.2	Bán moóc Semi - trailer	Moóc được thiết kế để ghép nối với ô tô kéo bán moóc và phần chủ yếu của trọng lượng tổng của nó được đặt trên ô tô kéo	
3.2.2.1	Toa bán moóc bus semi-trailer	Bán moóc (3.2.2) có kết cấu và trang bị dùng để chở người và hành lý theo người	
3.2.2.2	bán moóc thông dụng general purpose semi-trailer	bán moóc có kết cấu và trang bị dùng để chở hàng hóa	
3.2.2.3	bán moóc chuyên dùng special semi-trailer	<p>bán moóc có kết cấu và trang bị được dùng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- chỉ để chuyên chở người và/hoặc hàng hóa cần có sự sắp xếp đặc biệt;</li> <li>- chỉ để thực hiện một chức năng nhiệm vụ đặc biệt</li> </ul> <p>(Ví dụ: bán moóc chở gỗ, bán moóc ô tô chữa cháy, bán moóc có sàn thấp, bán moóc chở máy nén khí. Danh sách không hạn chế)</p>	

## 3.3 ô tô liên hợp (combination of vehicle)

Thuật ngữ này có nghĩa là một ô tô (3.1) được nối với một hoặc nhiều xe móc (3.2)

No	Thuật ngữ	Định nghĩa	Hình vẽ
3.3.1	Ô tô nhiều móc Roadtrain	Liên hợp của một ô tô (3.1.3 đến 3.1.5) với một hoặc nhiều móc độc lập được nối bằng trục kéo.  Ô tô kéo và móc có thể là loại đặc biệt hoặc không	
3.3.2	Ô tô khách nhiều móc Passenger road train	Liên hợp của một ô tô buýt với một hoặc nhiều móc độc lập, được nối bằng trục kéo, dùng để vận chuyển hành khách.  Liên hợp có thể được trang bị như đã nêu trong 3.1.2.2 đến 3.1.2.4  Chỗ ngồi cho hành khách không liên tục trên toàn liên hợp có thể có một hành lang phục vụ	
3.3.3	Ô tô kéo móc khớp quay Articulated road train	Liên hợp của một ô tô kéo bán móc (3.1.6) với một bán móc (3.2.2)  bán móc có thể là loại chuyên dùng hoặc không	
3.3.4	Ô tô kéo nhiều móc khớp quay Double road train	Liên hợp của một ô tô kéo bán móc (3.1.6) với một bán móc (3.2.2) và một móc (3.2.1)  bán móc và / hoặc móc có thể là loại chuyên dùng hoặc không	

No	Thuật ngữ	Định nghĩa	Hình vẽ
3.3.5	Ôtô nhiều moóc hỗn hợp  Composite road train	Liên hợp của một ô tô chở người với một moóc để chở hàng hóa	
3.3.6	Ôtô nhiều moóc chuyên dùng  Special road train	Ôtô nhiều moóc trên đó tải được đặt trên một sàn liên kết giữa ô tô kéo và xe moóc và được đỡ bởi cả hai phương tiện này; nghĩa là tải gồm một khối duy nhất và việc nối giữa hai phương tiện được thực hiện bằng chính tải này	
3.4	Xe máy  Moped	Xe chạy động cơ có hai hoặc ba bánh và vận tốc thiết kế lớn nhất không vượt quá 50km/h. Nếu động cơ dẫn động là một động cơ nhiệt thì dung tích làm việc hoặc dung tích tương đương không được vượt quá 50cm <sup>3</sup>	
3.5	Môtô  Môtcycle	Xe chạy động cơ có hai hoặc ba bánh và tỉ trọng toàn xe không vượt quá 400 kg  Xe máy theo định nghĩa 3.4 không nằm trong định nghĩa này	